

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày: 22/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Minh và ông Võ Anh Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Thị Hồng Y, sinh ngày 21/6/1985 tại Đak Pơ, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 2, phường An P, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm H và bà Đinh Thị L; chồng là Nguyễn Hoàng L và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/10/2020 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 2, phường An P, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bùi Văn T, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ 6 phường An Phú, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Nguyễn Duy P, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 1, phường An Tân, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Trần Minh Hưng, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 2, phường An B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

4. Trần Thị Kim N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 5, phường An P, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/6/2016 Phạm Thị Hồng Y và chồng là Nguyễn Hoàng L được ông Phạm Hoàng và bà Đinh Thị Lân tặng cho thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 27, diện tích là 150m², tại Tổ 2, phường An P, thị xã A, tỉnh Gia Lai theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số CC: 1885/HĐ-GD tại Phòng Công chứng số 3 tỉnh Gia Lai. Ngày 05/7/2016 Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thị xã A đã xác nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất nói trên vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 703789 do Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai cấp ngày 15/01/2013 cho ông Phạm H và bà Đinh Thị L. Năm 2017 Phạm Thị Hồng Y và Nguyễn Hoàng L đã thế chấp thửa đất nói trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Phòng giao dịch thị xã A để vay tiền nên đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng giữ.

Vào khoảng tháng 6 năm 2020, anh Nguyễn Hoàng L nói với Phạm Thị Hồng Y chuẩn bị tiền để đưa cho anh Lâm làm công việc vì Y là người quản lý tiền trong gia đình. Do chi tiêu riêng và cho bạn bè mượn chưa đòi lại được nên số tiền 200.000.000 đồng của gia đình do Y cất giữ chỉ còn lại 170.000.000 đồng không đủ để đưa cho anh Lâm. Vì sợ anh Lâm biết, nên Y đến nhà chị Trần Thị Kim N để hỏi vay 30.000.000đ. Chị N yêu cầu phải có giấy tờ gì cầm cố thì mới cho vay. Vì vậy, Y sử dụng điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO số IMEI 1: 862208042807996, số IMEI 2: 862208042807988 lên mạng xã hội, thấy trên Zalo có trang tên “Luv” quảng cáo làm tất cả các loại giấy tờ. Thông qua tài khoản Zalo có tên “Luv” Y đặt mua 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất dựa trên thông tin thửa đất của mình với giá 6.000.000đ. Ngày 11/7/2020, Phạm Thị Hồng Y nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả được đựng trong một hộp giấy, kích thước (20x35)cm từ địa chỉ gửi hàng số 19, đường Linh Xuân, phường Linh X, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh thông qua Trần Minh Hưng, sinh năm 1992, trú tại Tổ 2, phường An B, thị xã A là nhân viên giao hàng của Công ty giao hàng tiết kiệm có địa chỉ tại phường An P, thị xã A. Khoảng 16 giờ ngày 13/7/2020, Phạm Thị Hồng Y đến nhà Chị N đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả nói trên cho Chị N để vay tiền. Chị N đồng ý cho vay tiền nhưng yêu cầu Y phải làm văn bản ủy quyền tại công chứng. Vì vậy, Y cùng Chị N đến Văn phòng công chứng A tại Tổ 6, phường An P, thị xã A, để thực hiện việc ủy quyền.

Khi đến Văn phòng công chứng A, Y đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả cho ông Bùi Văn T là Trưởng Văn phòng công chứng A để yêu cầu công chứng việc ủy quyền. Do

nghe giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả nên ông T đã liên hệ đến Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thị xã A để xác minh, đồng thời trì hoãn việc công chứng và hẹn Y đến ngày hôm sau trả hồ sơ. Y và Chị N đi về, sau đó vì lo sợ nên Y sử dụng điện thoại OPPO, sim số 0369.395.431 gọi cho Chị N nói với Chị N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là giả. Do đó, Chị N không đồng ý cho Y vay tiền và nói Y đến Văn phòng công chứng A để lấy lại giấy tờ và rút yêu cầu công chứng việc ủy quyền.

Đến ngày 14/7/2020, Y đến Văn phòng công chứng A để xin nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nói trên nhưng ông Bùi Văn T tiến hành lập biên bản tạm giữ giấy chứng nhận này và chuyển đến Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thị xã A. Sau đó, Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thị xã A đã làm văn bản báo cáo Công an thị xã A để điều tra làm rõ.

Tại Kết luận giám định số 596/KLGD ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, Kết luận đối với giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM703789 như sau:

- Phôi “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số hiệu BM703789 mẫu cần giám định (ký hiệu A) **là giả.**

- Chữ ký đứng tên “Lê Thanh Tâm” dưới mục “TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ A – KT.CHỦ TỊCH – P.CHỦ TỊCH” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký của Lê Thanh Tâm trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) **không phải do cùng một người ký ra.**

- Hình dấu tròn nội dung “★ ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ A T. GIA LAI” dưới mục “TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ A – KT CHỦ TỊCH – P. CHỦ TỊCH” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) **không phải do cùng một con dấu đóng ra.**

- Chữ ký đứng tên “Nguyễn Duy Phong” dưới mục “GIÁM ĐỐC” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký của Nguyễn Duy Phong trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M3 và M4) **không phải do cùng một người ký ra.**

- Hình dấu tròn nội dung “★ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI T. GIA LAI -CHI NHÁNH THỊ XÃ A” dưới mục “GIÁM ĐỐC” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn có nội dung “VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH GIA LAI - CHI NHÁNH THỊ XÃ A” trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M3 và M4) **không phải do cùng một con dấu đóng ra.**

Vật chứng tạm giữ gồm:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 703789 giả (bản gốc).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, số IMEI 1: 862208042807996, số IMEI 2: 862208042807988 (đã qua sử dụng).

- 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 0369.395.431, mặt sau thẻ sim có số 8984048000057311851.

Tại Bản cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 26/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Phạm Thị Hồng Y về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị Hồng Y phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng Y từ 18 đến 20 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị khấu trừ từ 5-10% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, số IMEI 1: 862208042807996, số IMEI 2: 862208042807988 (đã qua sử dụng). Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 0369.395.431, mặt sau thẻ sim có số 8984048000057311851. Đồng thời đề nghị buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị Hồng Y thừa nhận hành vi phạm tội của mình như truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận đã sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả giao cho chị Trần Thị Kim N làm tin để vay 30.000.000đ. Bị cáo hoàn toàn không có ý định chiếm đoạt tiền của Chị N mà chỉ muốn Chị N tin tưởng cho vay tiền sau đó sẽ trả lại cho Chị N. Bị cáo đặt mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả thông qua tài khoản Zalo có tên “Luv” với giá 6.000.000đ và nhận được giấy chứng nhận này thông qua dịch vụ giao hàng của Công ty giao hàng tiết kiệm có địa chỉ tại phường An P, thị xã A. Việc đặt mua, sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để tạo niềm tin vay tiền của Chị N ngoài bị cáo ra không có ai tham gia.

Lời khai của anh Nguyễn Hoàng L có tại hồ sơ thể hiện: Thừa đất số 16a, tờ bản đồ số 27, diện tích là 150m², tại Tổ 2, phường An P, thị xã A, tỉnh Gia Lai là của anh và bị cáo Phạm Thị Hồng Y nhưng đã thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Phòng giao dịch thị xã A để vay tiền. Anh hoàn toàn không biết việc Phạm Thị Hồng Y đặt mua, sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả tạo niềm tin để vay tiền Chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Ngày 13/7/2020 Phạm Thị Hồng Y đã sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để làm văn bản ủy quyền cho chị Trần Thị Kim N tại Văn phòng công chứng A, tạo niềm tin mục đích để vay số tiền 30.000.000đ thì bị phát hiện. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là giả, nhưng vẫn sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước. Do đó, đã đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Phạm Thị Hồng Y phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt:

- Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nghề nghiệp và nơi cư trú rõ ràng, phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe. Đồng thời khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo trong cải tạo không giam giữ để sung ngân sách nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung: Xét hành vi phạm tội của bị cáo được phát hiện kịp thời, bị cáo chưa thu lợi bất chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: Trong vụ án này không ai có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Trong vụ án này, Y khai đã liên hệ và mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả của một người có tài khoản Zalo tên “Luv”. Địa chỉ nơi gửi giấy chứng nhận giả được ghi trên bao bì là số 19, đường Linh Xuân, phường Linh X, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người bán giấy chứng nhận giả nói trên, do đó sẽ tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, số IMEI 1: 862208042807996, số IMEI 2: 862208042807988 (đã qua sử dụng) bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 0369.395.431, mặt sau thẻ sim có số 8984048000057311851 không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- Riêng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 703789 giả lưu vào hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 341; Điều 36; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Hồng Y phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng Y 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Thị Hồng Y cho Ủy ban nhân dân phường An P, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo Phạm Thị Hồng Y trong thời gian cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bị cáo Phạm Thị Hồng Y thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, số IMEI 1: 862208042807996, số IMEI 2: 862208042807988 (đã qua sử dụng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim điện thoại có số thuê bao 0369.395.431, mặt sau thẻ sim có số 8984048000057311851.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị Hồng Y phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (22/01/2021), bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tứ Hải